**DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT XÂY DỰNG KHU DÂN CƯ TỔ DÂN PHỐ BẮC YÊN, TT. TÂN YÊN, HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG**

**KHU VỰC TỔ DÂN PHỐ BẮC YÊN, TT. TÂN YÊN, HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG (GIAI ĐOẠN 1)**

*(Kèm theo Quyết định số: 326/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên)*

| STT | Họ và tên | Địa chỉ | Số tờ | Số thửa | Tổng diện tích (m2) | Loại đất | Nhóm đất nông nghiệp | | | Nhóm đất phi nông nghiệp | | | | Nhóm đất chưa sử dụng | | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | Tổng | Đất trồng cây lâu năm (CLN) | Đất rừng sản xuất (RSX) | Tổng | Đất sông suối (SON) | Đất giao thông (DGT) | Đất thủy lợi (DTL) | Tổng | Đất bằng chưa sử dụng (BCS) | |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8=9+10* | *9* | *10* | *11=12+,,,15* | *17* | *12* | *13* | *14* | *15* | 16 |
| **A** | **Tổng= (I+II)** | | | | **3.807,7** | | **3.807,7** | **3.231,0** | **576,7** | | | | | | | |
| **I** | **ĐẤT HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN** | | | | **3.807,7** | | **3.807,7** | **3.231,0** | **576,7** | | | | | | | |
| 1 | Mai Viết Lực | Tổ dân phố Bắc Yên | 1 | 2 | 252,5 | CLN | 252,5 | 252,5 | | | | | | | | |
| 2 | Ngô Thị Lan | Tổ dân phố Bắc Yên | 1 | 3 | 1.025,6 | CLN | 1.025,6 | 1.025,6 | | | | | | | | |
| 3 | Trần Thị Bào | Tổ dân phố Bắc Yên | 1 | 4 | 1.287,3 | CLN | 1.287,3 | 1.287,3 | | | | | | | | |
| 4 | Vũ Công Hưởng | Tổ dân phố Bắc Yên | 1 | 6 | 576,7 | RSX | 576,7 | | 576,7 | | | | | | | |
| 5 | Mai Viết Lượng | Tổ dân phố Bắc Yên | 1 | 7 | 665,6 | CLN | 665,6 | 665,6 | | | | | | | | |